

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

Thực hiện Công văn số 5154/BTNMT-TCMT ngày 21/9/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA
BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

Tỉnh Sóc Trăng có 331.187,3 ha diện tích đất tự nhiên, với chiều dài bờ biển dài 72 km và 22 km cửa sông, nằm bên bờ Nam sông Hậu, tiếp giáp với biển Đông; hệ sinh thái chủ yếu là rừng ngập mặn ven biển và rừng tràm ngập nước.

Theo kết quả báo cáo, diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên toàn tỉnh năm 2019 như sau:

- Độ che phủ rừng: 2,8%.
- Tổng diện tích có rừng: 10.706,4 ha; trong đó, phân theo mục đích sử dụng (03 loại rừng) như sau:
 - + Diện tích rừng phòng hộ: 6.813,3 ha, phân bố tại thị xã Vĩnh Châu (4.316,3 ha); huyện Long Phú (46,9 ha); huyện Trần Đề (698,1 ha); huyện Cù Lao Dung (1.712,7 ha) và huyện Kế Sách (39,3 ha).
 - + Diện tích rừng đặc dụng: 296,6 ha.
 - + Diện tích rừng sản xuất: 3.623,5 ha.
- Trong thời gian qua, tỉnh đã triển khai thực hiện 02 dự án về đa dạng sinh học (Dự án “Thành lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước” và dự án “Thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung”). Quá trình triển khai các dự án đã ghi nhận hơn 615 loài (trong đó, có 09 loài động vật nguy cấp, quý, hiếm) tại khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước và 768 loài (trong đó có 25 loài động vật quý, hiếm) tại khu vực dự kiến thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 129 cơ sở gây nuôi động vật hoang dã; bao gồm:

- + 52 cơ sở gây nuôi loài Cá sấu nước ngọt thuộc nhóm IB Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm, với tổng số 24.579 cá thể.

+ 59 cơ sở gây nuôi các loài thuộc nhóm IIB Phụ lục II, III Cites, với 8.129 cá thể; gồm các loài như: Cây vôi hương, Cua đinh, Nai, Trăn đất, Trăn gấm, Công Ấn Độ, Ba ba gai, Cây vôi mốc, Rắn ráo trâu, Rắn hổ mang, Khỉ đuôi dài, Rùa ba gờ,...

+ 18 cơ sở gây nuôi các loài động vật hoang dã thông thường, với 9.887 cá thể; gồm các loài: Nhím, Dúi mốc, Ba ba trơn, Heo rừng, Chim Trĩ đỏ, Hươu sao,...

Trong thời gian qua, tỉnh chưa cấp phép đối với các hoạt động khai thác từ tự nhiên đối với các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thông thường; các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và các loài thực vật rừng thuộc Phụ lục Công ước Cites.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC (2013 - 2020)

1. Tổ chức thực hiện Chiến lược

a) Công tác chỉ đạo điều hành và giám sát thực hiện

Địa phương rất quan tâm trong việc chỉ đạo thực hiện công tác bảo tồn cảnh quan và đa dạng sinh học, đặc biệt là tại các khu vực ven biển nhằm tăng cường khả năng chống chịu của các hệ sinh thái biển trước tác động của biến đổi khí hậu. Cụ thể, đã tiến hành điều tra, xác định, lập danh mục và đề xuất các biện pháp kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh (năm 2012); phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 (tại Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng); triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014). Đồng thời, thực hiện 02 dự án về đa dạng sinh học (Dự án “Thành lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước” và “Thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung”).

Tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch tuần tra, quản lý bảo vệ rừng; tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát nguồn gốc lâm sản đối với các cơ sở gây nuôi, mua bán, giết mổ động vật hoang dã nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm; theo dõi biến động về rừng và đất rừng; báo cáo kịp thời với cơ quan có thẩm quyền để cập nhật về tình hình, diễn biến rừng và đất rừng theo quy định.

Thời gian qua, tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp Ủy ban nhân dân các xã, phường kiểm tra, giám sát, thúc đẩy và củng cố hoạt động của các Tổ bảo vệ rừng nhằm góp phần phục vụ công tác tuần tra, bảo vệ rừng và hoạt động nuôi thủy sản dưới tán rừng.

b) Về nguồn lực tài chính

Trong giai đoạn 2013 - 2020, tỉnh đã bố trí kinh phí khoảng 23.167.000.000 đồng để thực hiện công tác bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý và bảo vệ rừng.

c) Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Hàng năm, tỉnh chỉ đạo các Sở, ban ngành chức năng phối hợp các địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật Đa dạng sinh học và các văn bản hướng dẫn (hoặc lồng ghép vào các lớp tập huấn, tuyên truyền về Luật Lâm nghiệp và các văn bản dưới Luật); tuyên truyền về công tác bảo vệ môi trường, quản lý, bảo vệ rừng cho các Tổ bảo vệ rừng, cho công chức chuyên môn tại địa phương và các hộ dân sống ven rừng.

Bên cạnh đó, hàng năm, tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp các địa phương tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 05/6, Ngày Quốc tế Đa dạng sinh học 22/5, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; triển khai tuyên truyền các chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường trên Cổng thông tin điện tử; ban hành các tờ rơi, lắp đặt pa nô, băng rôn tuyên truyền về bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý bảo vệ rừng và quản lý lâm sản; biên soạn tài liệu thông tin về các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành,....

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

a) Công tác bảo tồn và phát triển hệ sinh thái tự nhiên

- Thực hiện các dự án liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học tại những khu vực có hệ sinh thái tự nhiên rộng lớn (Dự án thành lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước, Dự án thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung); các đề tài, dự án khoa học và công nghệ (Dự án Xây dựng mô hình nuôi và chế biến trứng bào xác *Artemia* tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Dự án Xây dựng mô hình khoa học công nghệ sản xuất và tiêu thụ lúa đặc sản cao cấp ST19 và ST20 tại thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng; Dự án Tận dụng phế phẩm nông nghiệp (củ bắp, rơm rạ) để phát triển nghề trồng nấm bào ngư (*Pleurotus* sp.) ở tỉnh Sóc Trăng).

- Triển khai các dự án về quản lý và bảo vệ rừng: Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2011 - 2020 (trồng mới hơn 53,6 ha rừng ngập mặn, 566.155 cây phân tán; xây dựng 01 Trạm quản lý bảo vệ rừng, 01 km đường dân sinh; thi công các biển báo, biển cấm tại khu vực rừng mới trồng); Dự án Thí điểm trồng mới, phục hồi rừng ngập mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn ven biển giai đoạn 2014 - 2015 (trồng mới 340,54 ha rừng ngập mặn, phục hồi 250 ha rừng trồng, xây dựng 1.400 m hàng rào bảo vệ rừng); Dự án thí điểm trồng mới, phục hồi và bảo vệ rừng ngập mặn nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu thuộc địa bàn ven biển tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2015 - 2020 (trồng mới 684 ha rừng ngập mặn, phục hồi 600 ha rừng trồng, xây dựng 3.350 m hàng rào bảo vệ rừng); Dự án Trồng rừng phòng hộ bảo vệ đê sông, đê biển giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh Sóc Trăng (trồng mới 222 ha rừng ngập mặn, xây dựng 13.525 m tường mềm giảm sóng).

- Hàng năm, từ nguồn vốn của Trung ương, tỉnh thực hiện giao khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, người dân sống ven rừng, có gắn bó với rừng. Việc thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển đã góp phần làm tăng diện tích rừng, phát huy hiệu quả cố định phù sa, ổn định và mở rộng bãi bồi, hạn chế xói lở bờ biển, che chắn gió bão, bảo vệ bờ biển và hoạt động sản

xuất nông nghiệp tại vùng ven biển, ổn định môi trường sinh thái tại khu vực và duy trì hệ sinh thái đặc trưng của vùng; bên cạnh đó, góp phần tạo việc làm, cải thiện thu nhập cho người dân tại các địa bàn còn khó khăn.

b) Bảo tồn các loài hoang dã; các giống vật nuôi, cây trồng nguy cấp, quý, hiếm

Trên cơ sở triển khai các dự án về bảo tồn đa dạng sinh học, tỉnh ghi nhận hơn 615 loài (trong đó, có 09 loài động vật nguy cấp, quý, hiếm) tại khu vực dự kiến thành lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước; 768 loài (trong đó, có 25 loài động vật quý, hiếm) tại khu vực dự kiến thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung.

Hiện nay, tỉnh chưa thực hiện việc điều tra, quan trắc, đánh giá hiện trạng và lập hồ sơ loài thuộc Danh mục các loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định tại Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16/7/2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; tuy nhiên, địa phương đã chỉ đạo các đơn vị liên quan phối hợp chặt chẽ và thường xuyên trong việc theo dõi và bảo vệ đàn khi đuôi dài, doi ngựa tại huyện Cù Lao Dung.

Ngoài ra, công tác quản lý xuất, nhập đối với động vật rừng ra, vào tại các cơ sở nuôi, trồng được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản. Cụ thể, khi xuất phải có hồ sơ xin xác nhận bảng kê lâm sản đối với các loài động vật hoang dã thuộc các Phụ lục Cites (các loài Cá sấu nước ngọt, Cây vôi hương, Chim Công Ấn độ, Rắn ráo trâu,...), động vật hoang dã thông thường (chủ yếu là các loài Chim trĩ, Ba ba trơn, Rắn sọc dưa, Rắn ráo,...). Trong thời gian qua, các cơ quan chức năng của tỉnh đã tịch thu 02 cá thể Kỳ đà hoa (mỗi cá thể có trọng lượng 02 kg) và thả về môi trường tự nhiên (xã An Thạnh Nam, huyện Cù Lao Dung); tiếp nhận và thả về môi trường tự nhiên đối với 02 cá thể Rùa nước ngọt (trọng lượng 8,5 kg và 9,5 kg), 02 cá thể khỉ (về rừng phòng hộ huyện Cù Lao Dung), 01 cá thể động vật có ngoại hình giống đồi mồi biển (10 kg) thả về tự nhiên (xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu).

c) Sử dụng bền vững và thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích các dịch vụ hệ sinh thái

Các Tổ bảo vệ rừng, nhóm đồng quản lý được thành lập đã tạo sinh kế từ rừng, góp phần đáng kể vào công tác bảo vệ môi trường, cải thiện đời sống cho người tham gia.

Năm 2020, tỉnh đã thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sóc Trăng (Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 23/11/2020) và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Sóc Trăng (Quyết

định số 393/QĐ-UBND ngày 19/02/2021); đồng thời, triển khai thực hiện việc thu phí dịch vụ môi trường rừng theo quy định.

d) Kiểm soát và giảm thiểu các mối đe dọa đến đa dạng sinh học

Công tác kiểm soát, giảm thiểu các mối đe dọa đến đa dạng sinh học được địa phương quan tâm và thực hiện thường xuyên. Theo đó, các sở, ngành, đơn vị liên quan thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền, lồng ghép nội dung tập huấn về việc quản lý, bảo vệ các loài hoang dã, các giống vật nuôi, cây trồng nguy cấp, quý, hiếm nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư.

Thời gian qua, tỉnh đã triển khai thực hiện một số dự án điều tra, khảo sát về các loài ngoại lai xâm hại; cụ thể như sau:

- Năm 2012, thực hiện điều tra, khảo sát lập danh mục các loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh. Kết quả, phát hiện 27 loài sinh vật ngoại lai xâm hại (trong đó, có 17 loài ngoại lai xâm hại đã biết và 10 loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại); trên cơ sở đó, có các giải pháp phù hợp để kiểm soát, ngăn ngừa các loài ngoại lai xâm hại.

- Trong khuôn khổ Dự án “Thành lập Khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước” và Dự án “Thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung”, tỉnh lồng ghép nội dung điều tra, khảo sát về các loài ngoại lai xâm hại tại 02 khu vực có mức độ đa dạng sinh học cao. Kết quả, tại khu vực thực hiện dự án “Thành lập Khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước” ghi nhận 06 loài thực vật ngoại lai xâm hại (Cỏ cút lợn, Lục bình, Mai dương, Cỏ lào, Keo dậu, Cúc bò) và tại khu vực thực hiện dự án “Thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung” có 07 loài thực vật ngoại lai xâm hại (Cỏ cút lợn, Cỏ hôi, Thơm ổi, Lục bình, Keo dậu, Mai dương, Trinh nữ móc).

- Các đơn vị chức năng của tỉnh xây dựng kế hoạch phối hợp tuần tra liên ngành để kiểm tra, ngăn chặn, xử lý các vụ, việc chặt phá rừng, lấn chiếm đất rừng, sử dụng cây rừng trái pháp luật; thường xuyên tuần tra, ngăn chặn các hành vi khai thác, đánh bắt hải sản trái phép; kiểm tra các cơ sở kinh doanh, chế biến lâm sản, cơ sở gây nuôi động vật rừng; xây dựng nhiều cơ sở tạo nguồn tin báo nhằm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các vụ vi phạm.

đ) Thúc đẩy các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học nhằm giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh

Các dự án về bảo tồn đa dạng sinh học, công trình, hạ tầng lâm sinh đã và đang triển khai góp phần chấn sổng, tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh vật phát triển; đồng thời, góp phần giảm thiểu tác động và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

3. Đánh giá kết quả thực hiện

a) Thuận lợi

- Công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng được sự quan tâm, thống nhất, chủ động phối hợp triển khai của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh.

- Các nguồn lực về tài chính phục vụ công tác bảo tồn đa dạng sinh học được quan tâm, phân bổ kịp thời. Bên cạnh đó, sự hỗ trợ kịp thời, hiệu quả từ các chương trình, dự án về bảo vệ và phát triển rừng góp phần tạo việc làm, cải thiện cuộc sống của người dân ven rừng, giảm thiểu được tình trạng vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

- Công tác vận động, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng triển khai đến từng hộ dân sống ven rừng; đồng thời, được thực hiện lồng ghép trên các phương tiện thông tin đại chúng đã góp phần nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của người dân và phát huy hiệu quả phát triển các mô hình nuôi thủy sản dưới tán rừng.

b) Khó khăn, tồn tại

- Điều kiện về cơ sở vật chất; nhân lực, tài chính chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn (cụ thể là: Cơ sở hạ tầng; trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng; thiếu cán bộ, công chức chuyên môn thực hiện công tác đa dạng sinh học, trong việc theo dõi, giám sát, đặc biệt là đối với các xã, phường; chưa có kinh phí triển khai thực hiện việc điều tra, quan trắc, đánh giá hiện trạng và lập hồ sơ loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ,...).

- Chưa có sự thống nhất trong quy định giữa Luật đa dạng sinh học và các luật chuyên ngành liên quan (chưa có sự thống nhất về Tiêu chí xác định và phân hạng các khu bảo tồn; công tác quản lý các loài động thực vật hoang dã chưa tập trung; chế tài xử phạt các vi phạm về bảo tồn đa dạng sinh học chưa rõ ràng và mang tính răn đe;...).

- Trung ương chưa hướng dẫn cụ thể đối với các quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ (cụ thể là: Hướng dẫn các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã lập sổ theo dõi cho từng loài; hướng dẫn cho người dân làm phương án đăng ký gây nuôi đối với loài đăng ký gây nuôi thuộc nhóm IB Phụ lục I CITES; chưa quy định cụ thể về các công trình lâm sinh, về dịch vụ môi trường rừng;...).

- Đời sống của một số hộ dân sống ven rừng và khu tái định cư vẫn còn khó khăn nên vẫn còn trường hợp chặt cây rừng để mưu sinh (làm củi, đào đôm độp (sâm đất), lấn chiếm đất rừng làm rẫy, làm ruộng nuôi tôm, dựng chòi trong rừng, nhà ở ven đê,...); qua đó, công tác quản lý, bảo vệ rừng và việc xử lý các hành vi vi phạm gặp nhiều khó khăn.

- Tỉnh chưa triển khai hoàn thành việc cắm mốc ranh giới giữa đất rừng và đất sản xuất của người dân nên việc xử lý các hành vi vi phạm lấn chiếm đất rừng gặp nhiều khó khăn.

- Tình trạng xói lở bờ biển do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và hoạt động của các phương tiện đánh bắt ven bờ làm thiệt hại nhiều diện tích rừng trồng mới.

- Người dân tại các vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh chưa nhận thức và cập nhật hết các quy định của pháp luật trong việc đăng ký gây nuôi động vật hoang dã; qua đó, vẫn còn một bộ phận người dân gây nuôi tự phát, không thực

hiện việc đăng ký với cơ quan chức năng; đến khi phát hiện thì cá thể được gây nuôi đã tăng đàn lên rất nhiều, gây khó khăn trong công tác quản lý.

c) Nguyên nhân

- Điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, tài chính chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn (đội ngũ quản lý rừng còn ít, địa bàn đi lại khó nên ảnh hưởng đến công tác tuần tra, bảo vệ rừng; một số Tổ bảo vệ rừng chưa phát huy hết vai trò, nhiệm vụ trong công tác tuần tra bảo vệ rừng, ngại va chạm, báo cáo tình hình bảo vệ rừng chưa kịp thời; kinh phí còn hạn chế nên việc triển khai một số nhiệm vụ bảo vệ rừng chưa được thực hiện;...).

- Đời sống của một số hộ dân sống ven rừng còn khó khăn, nhu cầu sử dụng chất đốt tại chỗ nhiều; nhu cầu sử dụng đất sản xuất ngày càng cao nên một số hộ dân lấn đất rừng (đặc biệt tại khu vực thị trấn Trần Đề và xã Trung Bình, huyện Trần Đề).

- Công tác xử lý vi phạm gặp nhiều khó khăn (giáo dục, nhắc nhở, tuyên truyền là chính) do đa số các trường hợp vi phạm là người nghèo, khó thực thi quyết định xử phạt.

- Chưa có quy định thống nhất, cụ thể về bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý, bảo vệ rừng.

d) Đánh giá hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học

- Việc triển khai các dự án bảo tồn đa dạng sinh học, công trình, hạ tầng lâm sinh đã phát huy hiệu quả trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Công tác cứu hộ và thả về môi trường tự nhiên các loài động vật hoang dã được tổ chức thực hiện tốt.

- Tỉnh đã phân bổ kịp thời kinh phí để thực hiện các dự án trọng điểm về bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý, bảo vệ rừng.

- Các cấp chính quyền luôn quan tâm, nỗ lực thực hiện tốt các Công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhằm góp phần làm giảm tình trạng săn bắt, vận chuyển, buôn bán, quảng cáo, sử dụng trái phép động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh.

đ) Kiến nghị

Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Tham mưu cơ quan có thẩm quyền việc hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý rừng.

- Thường xuyên mở các lớp tập huấn, hướng dẫn đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn để thực hiện tốt hơn công tác bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý rừng.

- Phân bổ kinh phí cho các dự án theo kế hoạch, theo mùa vụ trồng rừng; đồng thời, bố trí các nguồn kinh phí khác để thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý rừng.

- Có cơ chế, chính sách về lâm nghiệp để tạo động lực khuyến khích phát triển nghề rừng, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân sống ở vùng rừng.

III. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG TRONG THỜI GIAN TỚI (2021 - 2030)

1. Tiếp tục thực hiện các nội dung về công tác bảo tồn đa dạng sinh học (theo Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020).

2. Thường xuyên rà soát các quy định có liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học (Luật Lâm nghiệp, Luật Đa dạng sinh học,...) và hệ thống văn bản dưới Luật; kịp thời kiến nghị các Bộ, ngành, Trung ương xem xét, sửa đổi nhằm đảm bảo việc triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả (đặc biệt trong các vấn đề về quản lý hệ sinh thái, quản lý và bảo vệ các loài động vật, thực vật hoang dã).

3. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền với nhiều hình thức đa dạng, phong phú nhằm góp phần nâng cao ý thức và trách nhiệm của công chức thực thi công tác quản lý đa dạng sinh học và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

4. Tăng cường năng lực cho cơ quan thực thi pháp luật trong lĩnh vực đa dạng sinh học; tăng cường công tác đào tạo cán bộ, công chức quản lý đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. Tăng cường phối hợp giữa các lực lượng chức năng để trao đổi, chia sẻ, xử lý thông tin về các đối tượng và tương trợ tư pháp đối với các tội phạm về buôn bán, vận chuyển trái phép động, thực vật hoang dã và sản phẩm của động, thực vật hoang dã.

5. Lồng ghép việc xem xét, đánh giá việc triển khai các dự án có đe dọa đến sự đa dạng sinh học trước khi quyết định chủ trương đầu tư; trong đó, đặc biệt lưu ý lồng ghép công tác bảo tồn đa dạng sinh học trong các công cụ đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường của các dự án.

6. Thiết lập và áp dụng hệ thống báo cáo, chia sẻ thông tin và cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học ở các cấp (quốc gia, tỉnh, khu bảo tồn).

Trên đây là Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng trân trọng báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TN&MT;
- HTĐT: phonglga@vea.gov.vn;
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Nam



Phụ lục I
DANH MỤC LOÀI SINH VẬT TRONG CÁC KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ CÁC KHU VỰC KHÁC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 56 /BC-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Loài sinh vật tại các khu bảo tồn thiên nhiên: Tỉnh chưa thành lập khu bảo tồn thiên nhiên.
2. Loài sinh vật ngoài khu bảo tồn thiên nhiên
- 2.1. Tại khu vực rừng tràm Mỹ Phước (Nguồn: Dự án Thành lập khu bảo tồn loài - sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN 2018	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ
1	Trăn đất	<i>Python molurus</i>	CR	VU	-
2	Rắn ráo	<i>Ptyas korros</i>	EN	-	-
3	Rắn hổ mang	<i>Naja kaouthia</i>	EN	LC	X
4	Rái cá vuốt bé	<i>Aonyx cinerea</i>	VU	VU	X
5	Chim Cỏ rắn	<i>Anhinga melanogaster</i>	VU	NT	-
6	Ếch giun nguyên	<i>Ichthyophis guyenorum</i>	-	LC	-
7	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i>	VU	LC	-
8	Rắn bông voi	<i>Enhydris bocourti</i>	VU	LC	-
9	Rùa hộp lưng đen	<i>Cuora amboinensis</i>	VU	VU	-
10	Rùa ba gờ	<i>Malayemys subtrijuga</i>	CR	VU	-
11	Cá lòng tong đỏ	<i>Boraras urophthalmoides</i>	-	NT	-

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN 2018	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ
12	Cá trê vàng	<i>Clarias macrocephalus</i>	-	NT	-

Ghi chú: CR = Rất nguy cấp, EN = Nguy cấp, VU = Sẽ nguy cấp, NT = Gần nguy cấp, LR = Sắp bị đe dọa, LC = Ít lo ngại; X = Thuộc danh mục, “-” = Không thuộc danh mục.

2.2. Tại khu vực rừng ngập mặn huyện Cù Lao Dung và huyện Trần Đề

(Nguồn: Dự án Thành lập khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung)

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN 2019	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP
1	Rái cá vuốt bé	<i>Amblonyx cinerea Illiger</i>	VU	VU	X
2	Dơi ngựa Thái Lan	<i>Pteropus lylei Andersen</i>	-	VU	-
3	Dơi ngựa lớn	<i>Pteropus vampyrus Linnaeus</i>	-	NT	-
4	Dơi chó cánh ngắn	<i>Cynopterus brachyotis Müller</i>	VU	-	-
5	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonia Blyth</i>	VU	VU	-
6	Choắt mỏ cong lớn	<i>Numenius arquata (Linnaeus, 1758)</i>	-	NT	-
7	Choắt lùn đuôi xám	<i>Tringa brevipes (Vieillot, 1816)</i>	-	NT	-
8	Cóc đế, Bạc má	<i>Phalacrocorax carbo (Linnaeus, 1758)</i>	R	-	-

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN 2019	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP
9	Tắc kè	<i>Gekko gecko (Linnaeus)</i>	VU	-	-
10	Kỳ đà nước	<i>Varanus salvator (Laurenti)</i>	EN	LC	-
11	Rắn sọc xanh	<i>Ahaetulla prasina (Boie)</i>	VU	LC	-
12	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus (Boie)</i>	VU	LC	-
13	Rắn ráo thường	<i>Ptyas korros (Schlegel)</i>	EN	-	-
14	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosa (Linnaeus)</i>	EN	-	-
15	Rắn hổ mang	<i>Naja atra Cantor</i>	-	VU	
16	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus Hannah Cantor</i>	EN	VU	X
17	Trăn đất	<i>Python molurus (Linnaeus)</i>	CR	VU	-
18	Vích	<i>Chelonia mydas (Linnaeus)</i>	EN	EN	X
19	Ba ba gai	<i>Palea steindachneri (Siebenrock)</i>	VU	EN	-
20	Cá chấu lớn	<i>Megalops cyprinoides (Broussonet, 1782)</i>	VU	-	-
21	Cá chấu biển	<i>Elops saurus Linnaeus, 1766</i>	VU	LC	-
22	Cá măng sữa	<i>Chanos chanos (Forsskal, 1775)</i>	VU	LC	-

STT	Tên Việt Nam	Tên Khoa học	Sách đỏ Việt Nam 2007	Danh lục đỏ IUCN 2019	Nghị định số 64/2019/NĐ-CP
23	Cá hường sọc xiên	<i>Datnioides polota</i> (Hamilton, 1822)	VU	LC	-
24	Cá mang rô	<i>Toxotes chatareus</i> (Hamilton, 1822)	VU	LC	-
25	Sam ba đuôi	<i>Tachypleus tridentatus</i>	VU	EN	-
26	Chuồn chuồn	<i>Vestalis gracilis</i> (Rambur, 1842)	-	LC	-
27	Chuồn chuồn	<i>Agriocnemis femina</i> (Brauer, 1868)	-	LC	-
28	Chuồn chuồn	<i>Brachythemis contaminata</i> (Fabricius, 1793)	-	LC	-
29	Chuồn chuồn	<i>Neurothemis fluctuans</i> (Fabricius, 1793)	-	LC	-
30	Chuồn chuồn	<i>Orthetrum sabina</i> (Drury, 1773)	-	LC	-
31	Chuồn chuồn	<i>Pantala flavescens</i> (Fabricius, 1798)	-	LC	-
32	Chuồn chuồn	<i>Copera marginipes</i> (Rambur, 1842)	-	LC	-

Ghi chú: R = Hiếm; CR = Rất nguy cấp; EN = Nguy cấp; VU = Sẽ nguy cấp; NT = Sắp bị đe dọa; LC = Ít quan tâm; X = Thuộc danh mục, “-” = Không thuộc danh mục.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 56 /BC-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Thông tin về tình trạng thành lập và quản lý khu bảo tồn (KBT) thiên nhiên và hành lang đa dạng sinh học

TT	Tên KBT thiên nhiên, rừng đặc dụng, KBT biển, đất ngập nước, hành lang ĐDSH	Diện tích theo quy hoạch đã được duyệt theo Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ hoặc theo quy hoạch cấp tỉnh (ha)	Diện tích thực tế hiện nay (ha)	Số hiệu quyết định thành lập KBT; thời gian thành lập	Khu bảo tồn đề xuất thành lập mới giai đoạn 2021 - 2030 (Diện tích, loại hình) (ha)	Tình hình thành lập BQL và số lượng nhân sự làm việc tại BQL KBT	Tình hình phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm, 05 năm	Nguồn kinh phí hoạt động cho KBT (giai đoạn 2013 - 2020)	Ghi chú (Nêu cách thức/hạn chế và nguyên nhân)
1	Khu dự trữ thiên nhiên rừng ngập mặn Cù Lao Dung	25.333,7	25.333,7	Chưa thành lập	25.333,7 (Khu dự trữ thiên nhiên)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Trong danh sách quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học cả nước theo Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
2	Khu bảo tồn loài sinh cảnh rừng tràm Mỹ Phước		387,27	Chưa thành lập	387,27 (Khu bảo tồn loài - sinh cảnh)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Thuộc danh mục các dự án ưu tiên thực hiện trong quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 (Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

2. Thông tin về tình trạng đề cử các Danh hiệu Khu dự trữ sinh quyển, Khu đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (Khu Ramsar), Vườn di sản ASEAN (Khu AHP), di sản thiên nhiên thế giới: Không có.



Phụ lục III

CÁC THÔNG TIN VỀ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 56 /BC-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Các chỉ thị/thông số	Đơn vị tính	Số liệu	Năm ghi nhận số liệu
Chỉ thị/ thông số hiện trạng				
1	Diện tích rừng:			
	- Tổng diện tích và tỷ lệ che phủ rừng	Ha/năm	-	
	- Diện tích rừng của từng KBT			
	- Diện tích rừng nguyên sinh	Ha/năm	-	
	- Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha/năm	1.689,05	2015-2019
	- Diện tích rừng được khoanh nuôi tái sinh	Ha	-	
	- Tổng diện tích rừng ngập mặn			
	- Diện tích rừng ngập mặn của mỗi khu bảo tồn đất ngập nước ven biển	Ha	-	
2	Diện tích rạn san hô: - Tổng diện tích rạn san hô và độ che phủ - Diện tích rạn san hô và độ che phủ của mỗi khu bảo tồn biển	Ha; (%)	-	
3	Diện tích thảm cỏ biển: - Tổng diện tích thảm cỏ biển - Diện tích thảm cỏ biển và độ che phủ của mỗi khu bảo tồn biển	Ha; (%)	-	



4	Tình trạng loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng theo Nghị định số 64/2019/NĐ-CP của Chính phủ (số cá thể, tần suất bắt gặp/xuất hiện) - Tình trạng loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng ở mỗi khu bảo tồn	- Số loài - Số cá thể/ tần suất bắt gặp - Số đàn (nhóm linh trưởng và các thú lớn khác)	Hiện tình chưa thực hiện điều tra, quan trắc, đánh giá hiện trạng các loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng, loài được ưu tiên bảo vệ nên chưa có đầy đủ thông tin về tình trạng tất cả các loài nguy cấp, quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, theo báo cáo của cơ quan chức năng gần đây (Công văn số 1995/SNN-CCK ngày 13/10/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) thì phát hiện trên địa bàn tỉnh có 01 cá thể là loài Rái cá với số lượng khoảng 100 cá thể; tần suất bắt gặp không thường xuyên; mỗi lần bắt gặp khoảng từ 20 - 30 cá thể.	
5	Số lượng nguồn gen được kiểm kê, lưu giữ và bảo tồn	Số lượng, danh mục	-	
6	Số lượng giống cây trồng, vật nuôi được bảo tồn trong trang trại	Số lượng, danh mục	-	
Chỉ thị/thông số áp lực				
7	Diện tích đất/mặt nước của mỗi khu bảo tồn thiên nhiên (rừng đặc dụng, biên, vùng nước nội địa) bị chuyển đổi mục đích sử dụng	Ha/năm	-	
8	Diện tích rừng bị cháy	Ha/năm	- Năm 2014: 0,61 - Năm 2015: 5,53 - Năm 2016: 1,496	2014-2020
9	Số lượng các loài sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT	Số lượng, danh mục	-	
	Số lượng các loài sinh vật ngoại lai có nguy cơ xâm hại trên địa bàn tỉnh theo Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT	Số lượng, danh mục	-	

10	Số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp và đa dạng sinh học	Số lượng/năm	Tổng số 66 vụ; trong đó, năm 2013: 21 vụ; năm 2014: 05 vụ; năm 2015: 08 vụ; năm 2016: 10 vụ; năm 2017: 06 vụ; năm 2018: 07 vụ; năm 2019: 05 vụ và 09 tháng đầu năm 2020: 04 vụ. - Năm 2013: Tịch thu 112 cá thể cá sấu; 76 cây đước và 4,99134 m³ củi (trong đó, có 4,27134 m³ củi đước và 0,72 m³ củi bần). - Năm 2014: Tịch thu 07 cá thể Dơi ngựa; 01 cá thể Kỳ đà và 0,4m³ củi đước. - Năm 2015: Tịch thu 0,25m³ củi đước. - Năm 2017: Tịch thu 10 cá thể Dơi ngựa lớn; 01 cá thể Chồn đen; 02 cá thể Rắn ráo trâu; 03 cá thể Rùa ba gờ và 01 cá thể Kỳ đà. - Năm 2018: Tịch thu 61 cá thể Dơi ngựa lớn; 01 cá thể Cây vòi hương; 01 cá thể Kỳ đà; 10 cá thể Rắn ráo trâu; 28 cá thể Rùa đất và 1,3806m³ gỗ phi lao. - Năm 2019: Tịch thu 0,25m³ củi đước. - 09 tháng đầu năm 2020: Tịch thu 02 cá thể Kỳ đà hoa và 0,3m³ củi đước tươi.	2013-2020
	Lâm sản bị tịch thu (gỗ, động vật rừng hoang dã)	Loại lâm sản, khối lượng hoặc số lượng/năm		
	Diện tích rừng bị phá (loại rừng: Đặc dụng, phòng hộ, sản xuất)	Ha/năm	-	
11	Số vụ khai thác thủy sản trái phép	Số vụ/khối lượng khai thác	-	
12	Các văn bản, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến bảo tồn ĐDSH	- Thông tin chung: Tên văn bản, thời gian triển khai, phạm vi - Nội dung liên quan đến bảo tồn ĐDSH - Ảnh hưởng dự kiến	* Thông tin chung: - Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 07/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020. - Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 28/01/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020. - Quyết định số 423/QĐ-TTg ngày 11/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020.	

			- Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 27/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. - Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 18/4/2011 của UBND tỉnh Sóc Trăng về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 tỉnh Sóc Trăng. - Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. * Nội dung liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học: - Khai thác, sử dụng hợp lý các hệ sinh thái tự nhiên, phát triển nguồn gen, loài sinh vật và bảo đảm cân bằng sinh thái phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. - Điều tra, thống kê, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về hiện trạng đa dạng sinh học; xác định các khu vực nhạy cảm, điểm nóng trọng điểm về bảo tồn đa dạng sinh học nhằm phát triển bền vững đa dạng sinh học. - Bảo tồn, bảo vệ tất cả các sinh cảnh, các loài quan trọng và đặc thù trong các khu bảo tồn thiên nhiên thuộc phân hạng cấp tỉnh. - Xây dựng, thành lập các khu bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. - Phục hồi các sinh cảnh bị suy thoái và tái tạo các sinh cảnh mới. - Lập và công bố quy hoạch tổng thể các khu bảo tồn đa dạng sinh học; trước hết, ưu tiên xây dựng 03 khu bảo tồn loài - sinh cảnh và dự trữ thiên nhiên; cụ thể: + Hệ sinh thái rừng tràm Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú. + Hệ sinh thái rừng ngập mặn trên địa bàn huyện Cù Lao Dung và huyện Trần Đề. + Khu bảo tồn Chùa Dơi cấp tỉnh trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.
--	--	--	---



Chỉ thị/ thông số đáp ứng				
13	Số lượng và danh mục văn bản đã được ban hành và mới ban hành trong kỳ báo cáo	Số lượng và danh mục	-	
14	Số khu bảo tồn đã thực hiện quan trắc ĐDSH	Số lượng khu bảo tồn thực hiện quan trắc kèm danh sách loài được quan trắc và tần suất tương ứng	-	
15	Số lượng các khu bảo tồn thiên nhiên đã đánh giá dịch vụ hệ sinh thái - Các loại dịch vụ hệ sinh thái - Giá trị cụ thể của từng loại dịch vụ	Số lượng Loại dịch vụ Giá dịch vụ	-	
16	Số lượng và diện tích các cơ sở bảo tồn ĐDSH (vườn động vật, vườn thực vật và trung tâm cứu hộ quốc gia)	Số lượng/Ha	-	
17	Số cơ sở sản xuất được cấp Giấy chứng nhận sản xuất bền vững (chứng chỉ rừng, chứng nhận khai thác thủy sản hợp pháp, vietgap)	Số lượng	-	
18	Số lượng nguồn gen được thu thập tư liệu hóa và lập chỉ dẫn địa lý	Số lượng, danh sách	-	
19	Số lượng các chương trình, các đợt tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về ĐDSH	Số lượng, danh sách	-	
20	Cơ sở dữ liệu ĐDSH (ĐDSH chung, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, quĩ gen)	Số lượng, tên, hiện trạng hoạt động (còn hoạt động hay không), địa chỉ website (nếu có)	-	

21	Ngân sách hàng năm chi cho các mục sau:			
	- Vườn quốc gia, khu bảo tồn		-	
	- Chi cho hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học		23.167.354.390	
	- Chương trình phòng chống cháy rừng		-	
	- Chương trình bảo tồn nguồn gen			
Chỉ thị/ thông số lợi ích				
22	Sản lượng gỗ và lâm sản ngoài gỗ	m ³ hoặc kg/năm	-	
23	Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Danh sách loài hoặc nhóm loài thủy sản cùng với năng suất (tấn/ha)	-	
24	Loại hình và số tiền thu được tương ứng từ mỗi loại hình chi trả dịch vụ môi trường rừng	Triệu đồng	-	



Ghi chú: “-” : Không có thông tin.